TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07/7/2017
V/v Tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông **Trần Hữu Hà;**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Phạm Phước Tâm;**
  2. Bà **Lương Thị Kim Vân;**

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Trần Hồng Thắm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2017/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/6/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Phước Minh Liêm T**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: khóm MPĐL, thị trấn MT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị **Bùi Thị N**, sinh năm 1978;

HKTT: ấp 4, xã BS, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: khóm MPĐL, thị trấn MT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2017; biên bản hòa giải ngày 22/6/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm anh Trần Phước Minh Liêm T là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T và chị N chung sống vào năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn hòa hợp. Anh T và chị N đã ly thân hơn 01 năm nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không ai muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị N.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Kim X, sinh ngày 13/01/2000. Hiện nay, con chung đang sống với chị N. Nay ly hôn, anh T đồng ý để con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bằng ½ mức lương cơ sở cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 22/6/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn chị Bùi Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Bùi Thị N thừa nhận vợ chồng sống chung với nhau từ năm 1998 và không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng của chị N và anh T xảy mâu thuẫn là có thật. Chị N, anh T đã ly thân nhau hơn 01 năm. Nay vợ chồng không xây dựng được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt và không ai có ý định hàn gắn tình cảm nên chị N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Kim X, sinh ngày 13/01/2000. Hiện con chung đang sống với chị N. Nay ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

1. Về tố tụng:

Anh Trần Phước Minh Liêm T có đơn yêu cầu được ly hôn với chị Bùi Thị N. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn"*.

Chị Bùi Thị N là bị đơn có địa chỉ tổ 4, ấp 4, xã BS, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Anh T và chị N trình bày thống nhất sống chung với nhau vào năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Đời sống chung vợ chồng giữa anh T với chị N phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay là có thật vì được các đương sự thừa nhận. Từ khi ly thân đến nay anh T, chị N không còn quan tâm nhau và không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị N. Chị N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T. Do anh T và chị N không đăng ký kết hôn nên căn cứ Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận anh Trần Phước Minh Liêm T và chị Bùi Thị N là vợ chồng.

- **Về con chung**: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Kim X, sinh ngày 13/01/2000. Hiện con chung đang sống với chị N. Nay công nhận sự thỏa thuận của anh T và chị N như sau:

Chị Bùi Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Kim X, sinh ngày 13/01/2000, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị N không yêu cầu.

Anh Trần Phước Minh Liêm T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Xét thấy đây là sự tự nguyện và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- **Về tài sản chung**: Anh T và chị N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung**: Anh T và chị N thống nhất trình bày không có nợ chung.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án thì anh T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh Thắng đã nộp theo biên lai số 13043 ngày 17/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, khoản 2 Điều 53, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Trần Phước Minh Liêm T và chị Bùi Thị N là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh T và chị N như sau:

Chị Bùi Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Kim X, sinh ngày 13/01/2000, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị N không yêu cầu.

Anh Trần Phước Minh Liêm T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Anh T và chị N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh T và chị N thống nhất trình bày không có nợ chung.

Về án phí: Anh Trần Phước Minh Liêm T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai số 13043 ngày 17/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa

(Đã ký)

Trần Hữu Hà